

# LÝ THUYẾT NHÓM LỢI ÍCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

*TS. Bùi Đại Dũng*

## **Giới thiệu**

Đầu thế kỷ XXI, cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng bắt đầu từ Mỹ sau đó lan rộng ra nhiều nước trên thế giới và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu do con người gây ra đã bộc lộ những yếu điểm cơ bản về thể chế và mô hình tổ chức xã hội của chế độ tư bản chủ nghĩa (TBCN) hiện đại. Có ý kiến cho rằng phải chăng mô hình nhà nước tư bản dựa trên cơ chế thị trường là cội nguồn của các vấn nạn này. Cũng cần nhớ lại rằng sự kiện hệ thống xã hội chủ nghĩa (XHCN) tan vỡ và một số nhà nước XHCN kiểu Liên Xô sụp đổ cuối thế kỷ XX phản ánh mô hình nhà nước dân chủ dựa trên chế độ công hữu đơn thuần không phải là giải pháp hữu hiệu để thay thế cơ chế thị trường trong điều kiện hiện nay.

Nhiều nước trên thế giới kể cả các công nghiệp phát triển (CNPT) như Mỹ, Nhật Bản, Đức trong thời gian qua cũng không tránh khỏi phải điều chỉnh mạnh mẽ về mô hình phát triển. Tuy nhiên các cuộc tranh luận giữa các đảng phái chính trị cho thấy nhiều chính quyền kế tiếp nhau vẫn chưa thoát khỏi những lúng túng cơ bản về định hướng phát triển tại các nước này. Vai trò của những nhóm quyền lực vì lợi ích cục bộ hoặc vai trò của số đông dân chúng theo cảm tính tâm lý có thể chi phối định hướng mô hình phát triển trong từng giai đoạn của mỗi nước. Tuy nhiên, không có gì đảm bảo là sự điều chỉnh ấy không rơi vào chiều hướng cực đoan có hại cho lợi ích lâu dài của dân tộc. Một câu hỏi lớn đặt ra cho mọi quốc gia là mô hình nào có thể đảm bảo sự phát triển bền vững trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Câu hỏi này không thể trả lời bằng những giải pháp cụ thể mà phải bằng một lý thuyết đủ mạnh để có thể lý giải căn nguyên của vấn đề.

Nhiều học giả đồng ý rằng lợi ích chính là động lực thúc đẩy phát triển xã hội, nhưng cũng chính những lợi ích cực đoan đã dẫn đến tổn hại nghiêm trọng cho các cá nhân khác hoặc cho cả nhân loại. Điều kiện gì cho phép một cá nhân hoặc một nhóm có thể gây những ảnh hưởng tiêu cực cho xã hội và làm thế nào để hạn chế mặt tiêu cực và khuyến khích mặt tích cực của mỗi cá nhân hoặc nhóm? Năng lực đóng góp và khả năng gây hại của mỗi cá nhân hoặc nhóm cá nhân có liên hệ mật thiết với điều kiện môi trường thể chế và đây chính là mục tiêu nghiên cứu của lý thuyết Nhóm lợi ích.

Lý thuyết Nhóm lợi ích đang được một số nhà kinh tế thuộc Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội xây dựng và bước đầu áp dụng vào việc phân tích, giải thích xu thế biến động về kinh tế, chính trị, xã hội ở một số quốc gia trên thế giới trong thời gian gần đây. Bài viết này phân tích những điều chỉnh về mô hình kinh tế trong vài thập kỷ qua tại một số nước trên thế giới với những nhân tố tác động theo quan điểm “lý thuyết nhóm lợi ích” và rút ra một số kết luận ngụ ý chính sách cho định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam.

## **1. Những điều chỉnh mô hình kinh tế ở một số nước trên thế giới trong thời gian qua**

Một số công trình nghiên cứu cho biết xu thế điều chỉnh mô hình kinh tế tại các nước TBCN phát triển cũng như tại nhiều nước đang phát triển khác bắt đầu diễn ra từ những năm 1980. Một đặc điểm cơ bản của xu thế này là chủ trương rời xa lý thuyết kinh tế Keynes, thu hẹp sự can thiệp của chính phủ và tăng cường tự do hóa nền kinh tế. Biểu hiện nổi bật trong giai đoạn

này là sự ra đời và áp dụng chính sách Reaganomics (chính sách kinh tế của cựu tổng thống Mỹ Reagan). Nước Anh dưới thời cựu thủ tướng Thatcher và một số quốc gia nói tiếng Anh khác cũng chịu ảnh hưởng của lý thuyết kinh tế này.

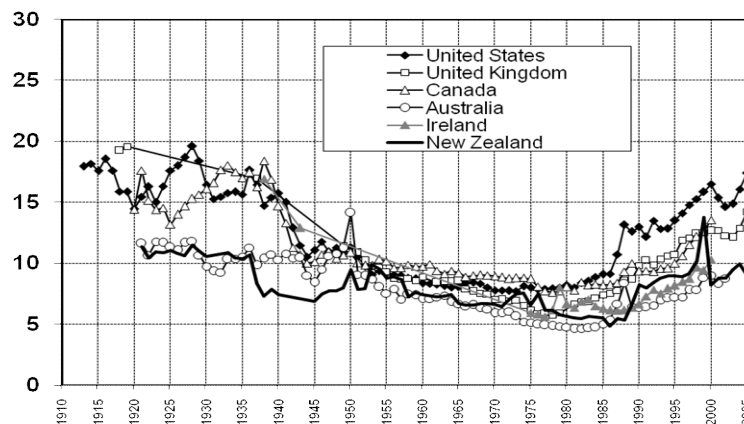
Reaganomics đem lại kết quả khả quan về tăng trưởng và giải quyết được nhiều vấn đề vĩ mô, trong đó có vấn đề lạm phát và thâm hụt ngân sách. Tuy nhiên một hệ quả tiêu cực của Reaganomics là làm trầm trọng hơn một số vấn đề xã hội, trong đó có việc gia tăng khoảng cách giàu nghèo và giảm sự quan tâm đến các nhóm dân dễ tổn thương trong xã hội. Từ đầu những năm 1980 đến đầu những năm 2000 ở hầu hết các nước CNPT, các nhóm giàu có mức thu nhập tăng lên nhanh chóng và nhóm càng giàu thì tốc độ tăng thu nhập càng lớn (Hình 1).

Sự điều chỉnh mô hình này không phải là ngẫu nhiên. Chính xu thế cào bằng thu nhập và không khuyến khích được những nhóm động lực xã hội tại những nước này từ sau Chiến tranh Thế giới II đã dẫn đến sự điều chỉnh này. Các đảng phái thắng cử trong giai đoạn này đều hứa hẹn thực hiện các chính sách tăng trưởng, cải tổ bộ máy chính phủ, đưa lại sự phồn vinh và cải thiện vị thế quốc gia. Đây là các định hướng chính sách phù hợp trong giai đoạn này và được đa số dân chúng ủng hộ vì tâm lý nhân dân lúc đó đã chán ngán và bất bình với sự trì trệ, lãng phí của các bộ máy hành chính công kênh, thiếu hiệu quả, suy giảm năng lực cạnh tranh của đất nước.

Đầu những năm 2000, điều chỉnh mô hình nêu trên bắt đầu bộc lộ những khiếm khuyết lớn. Một mặt, mâu thuẫn nội bộ trong các nước tăng lên. Nhóm giàu giàu lên một cách nhanh chóng và những chính sách xã hội bị buông lỏng, ngân sách xã hội bị cắt giảm đã đẩy các nhóm dân nghèo, những người dễ bị tổn thương trong xã hội vào điều kiện khó khăn. Tình trạng thất nghiệp gia tăng và phân hóa xã hội thêm trầm trọng. Mỹ là một nước có tỷ lệ người nghèo cao nhất OECD. Đáng ngạc nhiên là Nhật Bản với truyền thống một nước “trung lưu” cũng xuất hiện vấn đề nghèo đói và vô gia cư.

**Hình 1: Biến động về thu nhập của nhóm giàu tại một số nước công nghiệp phát triển**

Thu nhập của 1% dân số giàu nhất tại một số nước CNPT, 1910-2005



Nguồn: Piketty và Saez (2003), số liệu chuỗi cập nhật đến 2007

Mặt khác, những nguy hại về môi trường do con người gây ra đã dẫn đến bước ngoặt quan trọng trong đường lối chính trị các nước. Vấn đề không chỉ đặt ra đối với các nguyên thủ quốc gia mà trở thành vấn đề của mọi cá nhân: tiếp tục tàn phá trái đất để cùng chết hay hợp

tác với nhau để cùng tồn tại? Dưới thời Bush, vấn đề môi trường bị làm lơ nhưng các định hướng chính sách về môi trường đã đổi chiều dưới thời tổng thống Obama. Những vấn đề xã hội và môi trường đã chi phối một chu trình điều chỉnh mô hình kinh tế lần nữa tại các nước TBCN. Chúng ta hãy xem xét định hướng mới của các đảng vừa thắng cử tại các nước này trong thời gian gần đây:

***Những đặc trưng của điều chỉnh định hướng chính trị trong nhóm nước công nghiệp phát triển:***

Mỹ: Thành công của chiến dịch tranh cử của Obama có lý do từ những thay đổi định hướng chính sách cơ bản về bảo đảm lợi ích số đông những người nghèo, người có thu nhập thấp và các vấn đề an sinh xã hội. Obama phản đối chính sách của Chính phủ Bush về Iraq, vận động cắt giảm vũ khí hạt nhân, ủng hộ việc chấm dứt chương trình phát triển các loại vũ khí hạt nhân mới, giảm thiểu kho dự trữ hạt nhân.

Về các vấn đề kinh tế, Obama bênh vực chính sách phúc lợi xã hội, chỉ trích tình trạng để cho khoảng cách giàu nghèo gia tăng và kêu gọi phục hồi mạng lưới an toàn xã hội cho người nghèo. Obama ủng hộ kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho mọi người tại Hoa Kỳ, giảm thuế cho công dân lớn tuổi có thu nhập thấp, đồng thời hủy bỏ chính sách giảm thuế cho người có lợi tức cao. Obama lên kế hoạch nhằm hạn chế lượng khí thải carbon, không chấp nhận đặc quyền dành cho các tập đoàn dầu khí. Tuy nhiên, những ý kiến phản đối cho rằng kế hoạch của Obama là không thực tế, thiếu hiệu quả và tốn kém. Những hạn chế này có thể ảnh hưởng đến vị thế của nền kinh tế Mỹ trên thế giới.

Xu thế thả lỏng mục tiêu xã hội, bỏ mặc người nghèo và tăng ưu đãi cho nhóm có thu nhập cao tại Mỹ bắt đầu từ giai đoạn dưới thời tổng thống Reagan (1981) kéo dài đến thời tổng thống Bush (2008), đặc biệt là các định hướng nói lỏng chính sách tài chính, giảm thiểu các quy định quản lý rủi ro của mạng lưới tài chính, trong đó có việc bãi bỏ đạo luật Steagal Act giống như giọt nước cuối cùng làm tràn ly nước, dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính 2008. Hậu quả của xu thế này dẫn tới sự bất bình trong đông đảo quần chúng nhân dân đối với tình trạng khoảng cách giàu nghèo tăng lên không ngừng kể từ những năm 1980 đến nay.

*Nhật Bản:* Tháng 8-2009, ông Yukio Hatoyama thắng cử, trở thành Thủ tướng Nhật Bản và đưa đảng Dân chủ Nhật Bản lần đầu tiên lên nắm quyền điều hành đất nước. Thắng lợi của ông Hatoyama xuất phát từ các cam kết và định hướng chính trị rất được lòng dân. Hatoyama hứa hẹn trong 4 năm tới sẽ không áp thuế tiêu dùng, đồng thời giảm thuế cho các doanh nghiệp nhỏ. Ông tuyên bố sẽ tăng hỗ trợ người dân, mỗi gia đình tại Nhật sẽ nhận được 275 USD mỗi tháng cho mỗi đứa trẻ dưới 15 tuổi, tăng lương tối thiểu của người nghỉ hưu mỗi tháng sẽ lên 760 USD, người thất nghiệp sẽ được cấp 1.000 USD mỗi tháng nếu tham gia chương trình tìm kiếm việc làm.

Để có được nguồn tài chính cho các chương trình này, ông Hatoyama khẳng định sẽ lấy từ việc cắt giảm các dự án thiếu hiệu quả, các hoạt động chi tiêu lãng phí của chính phủ và những ưu đãi phi lý trong xã hội. Sau khi thắng cử, chính quyền của ông Hatoyama đang gặp phải những chỉ trích gay gắt từ các đảng đối lập về tính khả thi và nguồn tài chính cho các chương trình xã hội. Có ý kiến cho rằng những điều chỉnh tái phân bổ thu nhập có thể gây phương hại đến động lực thúc đẩy sáng tạo và phát triển tại Nhật Bản.

Quá trình điều chỉnh định hướng chính trị tại Nhật bản đã trải qua 3 thời kỳ. Năm 1974, định hướng chính trị ở Nhật Bản là xây dựng một xã hội trung lưu rộng khắp, tức là nâng cao tỷ lệ dân số có mức thu nhập trung lưu và giảm thiểu tỷ lệ dân số nhóm giàu

nhất và nhóm nghèo nhất trong xã hội. Xu thế này thừa hưởng một kết quả phát triển kinh tế thần kỳ trước đó nhưng không tồn tại được lâu vì hệ quả của định hướng này là thui chột động cơ sáng tạo trong nước, giảm sức cạnh tranh nội địa và chảy máu chất xám Thực tế là dẫn đến một giai đoạn trì trệ ở Nhật Bản. Từ những năm 1980, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) chủ trương khôi phục lại đà phát triển với kế hoạch giảm chi tiêu công cộng, tăng năng suất và hiệu quả kinh doanh. LPD đã đưa Nhật Bản ra khỏi thời kỳ trì trệ nhưng để lại một gánh nặng vấn đề xã hội cho Chính phủ mới của ông Hatoyama.

*Đức:* Ngày 28-10-2009, Bà Angela Merkel thắng cử tiếp tục nhiệm kỳ 2 tại chức vụ Thủ tướng nước Đức. Chủ trương của bà Merkel còn đẩy mạnh hơn những kế hoạch chưa thực hiện được trong nhiệm kỳ trước, đó là kế hoạch cắt giảm thuế, một kế hoạch mà bà Merkel cho là tâm điểm để phục hồi nền kinh tế nhằm bắt đầu thời kỳ tăng trưởng mới. Theo kế hoạch này, nước Đức sẽ cắt giảm thuế ô ạt lên đến 24 tỉ Euro (35,5 tỉ USD), và cùng với chính sách cắt giảm thuế, chính phủ mới của bà sẽ tăng chi tiêu cho y tế cộng đồng cùng nhiều chương trình xã hội khác.

Chính phủ mới muốn đặt sự phục hồi kinh tế lên hàng đầu và hoãn lại việc cân bằng ngân sách đến năm 2013 để thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng trong nước. Tuy nhiên, các ý kiến phản đối cho rằng kế hoạch này sẽ khiến chính phủ của bà Merkel phải đối mặt với “những hi vọng tăng trưởng phi thực tế” và thâm hụt ngân sách có thể tăng lên. Theo kế hoạch này, chính phủ của bà Merkel sẽ phải vay nợ đến mức kỷ lục 329 tỉ Euro (487 tỉ USD) vào năm 2010. Hiện thâm hụt ngân sách của Đức năm 2009 dự kiến là 3,9% GDP. Con số này vào năm 2010 có thể đến 5,9% GDP.

#### ***Những đặc trưng của điều chỉnh định hướng chính trị trong nhóm nước Nam Mỹ:***

Tháng 10-2006, bà M.Bachelet, ứng cử viên tổng thống duy nhất của liên minh trung tả Concertacion, đã chính thức trở thành nữ tổng thống đầu tiên trong lịch sử của Cộng hòa Chile. Như vậy, sau thắng lợi của liên minh Concertacion, khuynh hướng thiên về cánh tả đang lan rộng tại châu Mỹ Latinh, sau một nhân vật chống Mỹ như Tổng thống Venezuela H.Chavez hay theo đường lối cánh tả ôn hòa như Tổng thống Brazil L.da Silva. Chính thể cánh tả hiện đang nắm quyền tại 6/10 nước Nam Mỹ là, Brazil, Bolivia, Chile, Argentina, Uruguay.

Nền chính trị tại , Bolivia, Ecuadoro phản ánh thành quả đấu tranh của các phong trào quần chúng trong lịch sử hiện đại của những nước này. Từ năm 1989, người ta đã biết tới những phong trào quần chúng quan trọng mở đường cho cuộc đấu tranh xã hội chống lại Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), mà sau đó đã lan ra mức độ toàn cầu. Điểm quan trọng thứ hai trong chính sách của các quốc gia này là việc xem xét lại Hiến pháp. Vào năm 1999, trong nhiệm kỳ đầu tiên của Tổng thống Chávez, Venezuela đã thông qua một bản Hiến pháp mới dân chủ hơn bằng trưng cầu ý dân. Bản Hiến pháp này, với một số điều vừa được sửa đổi và đầu năm 2009, bảo đảm các quyền lợi về văn hóa, kinh tế và xã hội cho đa số quần chúng.

Có điểm chung giữa , Bolivia, Ecuadoro và các nước thuộc phân loại thứ 2 (Brazil, Uruguay, Chilê và Argentina) là việc tất cả đều theo đuổi các chương trình trợ cấp công. Chính sách này tạo thêm việc làm, nâng cao mức lương và bảo đảm các quyền lợi xã hội và kinh tế của những người được hưởng lương, nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và những người hưởng trợ cấp hưu trí. Chính quyền tại các nước này đều chú trọng đến việc nâng cấp mạng lưới y tế bằng hệ

thống y tế công cộng và các thỏa thuận giúp đỡ lẫn nhau giữa các chính phủ Venezuela, Bolivia và Cuba.

Cần nhớ lại rằng trong thập kỷ 80, sau sự sụp đổ của các nền độc tài, mô hình tự do mới vẫn còn hiệu lực. Mô hình Đồng thuận Washington được khởi xướng và cho là chương trình kinh tế tốt nhất mà các nước Mỹ Latinh cần áp dụng để thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên đến cuối những năm 1990, nhiều người chỉ trích, bao gồm cả các nhà kinh tế uy tín của Mỹ, cho rằng đây chẳng qua là phương thức mở cửa thị trường lao động của các nước đang phát triển cho các công ty thuộc thế giới thứ nhất bóc lột. Quá trình này tạo ra sự bất mãn lớn trong dân chúng, tạo tiền đề cho sự tái tập hợp các lực lượng quần chúng và dẫn tới một chu kỳ thắng cử của các lực lượng cánh tả và trung tả, bắt đầu bằng Tổng thống Chávez vào năm 1998, những lực lượng đã cam kết đưa ra một mô hình khác biệt dựa trên công bằng xã hội. Vào đầu thế kỷ này, mô hình hội nhập khu vực theo tư tưởng Bolivar đã có một lực đẩy mới, nhưng nếu muốn đưa chu kỳ tiến bộ này đi xa hơn, cần phải ôn lại những bài học, của quá khứ. Điều mà Mỹ Latinh thiếu trong các thập kỷ từ 1940 tới 1970 là một dự án của riêng mình để hội nhập các nền kinh tế và các dân tộc, kết hợp với sự tái phân chia của cải thực sự và có lợi cho giai cấp lao động.

Những biến động về định hướng chính sách của nhiều quốc gia trên thế giới thời gian qua phản ánh những thay đổi tích cực về ảnh hưởng của ý chí đa số nhân dân đối với bộ máy chính phủ. Thay đổi này có thể nhận thấy qua quá trình chuyển giao quyền lực giữa các chính phủ tại Mỹ, Nhật Bản, Đức và một số nước Nam Mỹ vừa qua. Hầu hết các chương trình tranh cử thắng lợi và các chính phủ mới thành lập mới đây đều có khuynh hướng tăng cường hỗ trợ người nghèo, giảm bất bình đẳng và chống đặc quyền của nhóm ưu thế trong xã hội.

Nhìn chung, các bước điều chỉnh nêu trên đều ở các nước đều có những mặt phát triển tích cực. Vai trò của nhân dân các nước này đã chi phối mạnh mẽ định hướng chính trị của các chính phủ cầm quyền thông qua việc lựa chọn được chính phủ có chủ trương phù hợp với nguyện vọng của đa số nhân dân. Việc lựa chọn này là khá ưu việt dựa trên các điều kiện về thể chế và quy trình bầu cử tiên tiến, trong khuôn khổ mức độ dân chủ nhất định.

Tại các nước này, ảnh hưởng của các nhóm quyền lực không còn mang tính quyết định đến định hướng chính trị của các chính quyền hoặc các nhà lãnh đạo chính quyền mới. Nói cách khác, Chính phủ ở các nước này không hoàn toàn bị nặn ra và giật dây bởi các thế lực lũng đoạn sau lưng mà được chọn ra bởi đa số cử tri.

Tuy nhiên, mặt tiêu cực có thể thấy được trên bình diện rộng như sau: hành vi chính trị của các chính phủ mới chịu ảnh hưởng lớn của tâm lý đám đông trong bối cảnh diễn biến kinh tế, chính trị vừa qua. Thắng lợi của các đảng phái và chính phủ mới thắng cử thường xoáy sâu vào yếu điểm của chính quyền tiền nhiệm hoặc hệ quả của việc áp dụng chính sách thiên vị, sai lệch trong thời kỳ trước đó. Để thu hút sự ủng hộ của đa số và khẳng định sự khác biệt trong các cam kết định hướng chính sách mới, vô hình trung, các chính phủ mới đã tự đặt mình vào vị thế đối lập với các định hướng chính sách trước đó đã bộc lộ yếu điểm.

Quá trình này được xem như là sự chuyển pha khi con lắc chính trị đạt tới giới hạn của biên độ dao động tại mỗi quốc gia. Sự thái quá của mỗi thái cực chính trị đều hàm chứa trong đó những khiếm khuyết căn bản mà sau đó bộc lộ thành yếu điểm để những điều chỉnh chính trị mới lại nhắm vào đó để tấn công. Điểm quan trọng nhất là quá trình điều chỉnh định hướng chính trị như vậy luôn phát sinh những ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển ổn định, bền vững.

Tâm lý đám đông của đa số nhân dân là bánh lái chính trị cho các định hướng tranh cử thành công, nhưng trạng thái tâm lý này không chắc chắn luôn là kim chỉ nam cho những định hướng phát triển tối ưu, dài hạn cho quốc gia hoặc cho toàn thể nhân loại. Ảnh hưởng của các nhóm lợi ích đến việc gia tăng quy mô chi tiêu công cộng và đầu tư phát triển vùng là những ví dụ nổi bật của tình trạng ý nguyện của đa số có thể đem lại tác động tiêu cực cho quốc gia và cho chính họ trong dài hạn. Một ví dụ đáng lưu tâm nữa là việc phát triển công nghiệp nặng dựa trên nguồn nguyên liệu hóa thạch hoặc phát triển nông nghiệp dựa trên nguồn phân vô cơ và thuốc hóa học vẫn được số đông trực tiếp hoặc gián tiếp ủng hộ mặc dù những ảnh hưởng tiêu cực đã bộc lộ khá rõ ràng.

Nhằm giải thích vai trò của các nhóm lợi ích trong xã hội cùng các điều kiện chi phối vai trò này, xin điểm qua một số nét cơ bản của lý thuyết Nhóm lợi ích.

## 2. Lý thuyết Nhóm lợi ích và một số ứng dụng phân tích

### *Lý thuyết Nhóm lợi ích*

*Lợi ích:* Lợi ích được nhiều học giả thừa nhận là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội. Tuy nhiên lợi ích ảnh hưởng như thế nào đến xã hội còn là vấn đề phức tạp và gây nhiều tranh cãi. Có nhiều cách phân loại lợi ích. Lý thuyết Nhóm lợi ích chủ trương phân lợi ích thành ba (03) loại là: Lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích tổng thể. Lợi ích cá nhân tương đối dễ xác định và lợi ích này bao gồm cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần đối với mỗi cá nhân. Lợi ích tổng thể có thể là lợi ích vùng, lợi ích quốc gia hoặc lợi ích toàn cầu. Lợi ích nhóm sẽ được nêu rõ hơn trong các phần sau. Đây chính là đối tượng nghiên cứu chính của lý thuyết Nhóm lợi ích vì trong ba hình thức lợi ích nêu trên, lợi ích nhóm là nhân tố chủ đạo có ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân và lợi ích tổng thể.

*Khái niệm Nhóm lợi ích:* Đối với nhóm lợi ích, các tài liệu chuyên môn và phương tiện thông tin đại chúng thường đề cập đến nhóm lợi ích (NLI) dưới góc độ là lợi ích của một nhóm người, có mối liên kết hoạt động trong một dạng tổ chức nhất định, có mục tiêu cụ thể và có ý thức liên kết để đạt được mục tiêu ấy. Tuy nhiên, không chỉ những nhóm có ưu thế trong xã hội, có mối liên kết hoạt động cụ thể mới có khả năng tác động đến quá trình lập chính sách. Những nhóm có vị thế yếu trong xã hội hoặc nhóm chịu mất mát lớn cũng có thể tạo ra những tác động đến nội dung chính sách. Như vậy, đặc điểm chính để nhận diện nhóm lợi ích chính là mức lợi ích nhóm. Mức lợi ích ấy có thể cao hơn hoặc thấp hơn với mặt bằng xã hội trong từng giai đoạn hoặc trong thời điểm nhất định. Căn cứ vào thực tiễn này có thể xác định nhóm lợi ích là nhóm người có chung mức lợi ích khác biệt so với xã hội trong một giai đoạn do các điều kiện tự nhiên, chính trị, xã hội đem lại.

*Mức lợi ích nhóm:* Sự chênh lệch này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân và cũng dẫn đến nhiều hệ quả khác nhau. Mức lợi ích của nhóm trong một thời điểm hoặc một giai đoạn cụ thể có thể được xem như là kết quả của nhiều yếu tố; trong đó quan trọng nhất là: (i) năng lực sản sinh của cải vật chất của nhóm; (ii) chính sách nhà nước liên quan tới phân bổ nguồn lực và phân phối thu nhập; (iii) khả năng tác động của nhóm đến hoạt động nhà nước về phân bổ nguồn lực và phân phối thu nhập. Ba yếu tố trên có ảnh hưởng khác nhau đến mức lợi ích của nhóm, đồng thời có ảnh hưởng qua lại lẫn nhau.

Năng lực sản sinh của cải vật chất của mỗi nhóm phụ thuộc vào trình độ, kỹ năng, sức sáng tạo của mỗi cá nhân. Năng lực sản sinh của cải vật chất phụ thuộc rất nhiều vào tình trạng sức khỏe và năng lực trí tuệ. Nhiều nghiên cứu cho thấy sự cải thiện năng lực cá nhân

phụ thuộc chủ yếu vào chất lượng và hiệu quả của chính sách công, trong đó có chính sách xã hội, giáo dục và y tế. Chính sách phân bổ nguồn lực và phân phối thu nhập có ảnh hưởng đáng kể đến mức lợi ích cá nhân nói riêng và mức lợi ích nhóm nói chung. Với năng lực sản xuất lớn mà bị hạn chế nguồn lực hoặc bị cắt giảm mức thu nhập thì mức lợi ích thực tế cũng bị giảm sút đáng kể. Mức thu nhập thực tế còn chịu ảnh hưởng ngược chiều từ tác động của nhóm đến chính sách phân bổ. Với sự vận động của nhóm và các ảnh hưởng chính trị, xã hội, chính sách phân bổ có thể bị điều chỉnh làm thay đổi mức lợi ích của các nhóm liên quan.

Trong dài hạn, kết quả của chính sách phân bổ có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến năng lực sản xuất của nhóm, ví dụ như việc bảo vệ sức khỏe, tăng cường trình độ và kỹ năng lao động sẽ dẫn tới kết quả là cải thiện mức thu nhập của nhóm. Mặt khác, mức cải thiện lợi ích nhóm xét về dài hạn không chỉ là hệ quả của chính sách phân bổ thu nhập một cách đơn thuần mà còn là chỉ số thể hiện khả năng tác động của nhóm lợi ích tới hoạt động phân bổ ngân sách. Những ảnh hưởng và sự vận động trực tiếp của nhóm đối với chính sách nhà nước có thể thay đổi chính sách phân bổ, góp phần hình thành quan điểm và cách thức phân bổ mới. Với tác động chung của các yếu tố nêu trên, mức lợi ích của nhóm có thể được xem như là chỉ số tổng hợp phản ánh vị thế và khả năng tác động của nhóm đến các chính sách nhà nước.

*Phân loại nhóm lợi ích:* Tùy đặc điểm và khả năng ảnh hưởng của mỗi nhóm mà người ta sử dụng một số tên gọi khác nhau đối với các loại hình nhóm lợi ích. Có nhiều nhóm ban đầu hình thành một cách tự phát và sau đó phát huy vai trò của mình một cách tự giác. Nhiều nhóm được hình thành một cách tự giác ngay từ ban đầu. Hoạt động phát triển của nhóm lợi ích ở mức tự giác có vai trò bảo vệ và vận động cho quyền lợi của nhóm. Trong trường hợp này, người ta còn gọi những nhóm ấy là nhóm quyền lợi. Nhóm quyền lợi có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến quy trình xây dựng chính sách được gọi là nhóm áp lực. Những nhóm vừa có khả năng gây áp lực vừa có khả năng can thiệp trực tiếp vào việc quyết định chính sách còn được gọi là nhóm đặc quyền. Người ta còn gọi tên các nhóm lợi ích theo mục tiêu chính của nhóm, ví dụ: nhóm lợi ích công, nhóm lợi ích tư, nhóm lý tưởng... Người ta cũng có thể được nhận diện, gọi tên nhóm lợi ích theo nhiều yếu tố khác nhau tùy thuộc mục đích phân tích. Ví dụ, nhóm lợi ích có đặc trưng phân loại theo điều kiện tự nhiên, ranh giới địa lý hành chính, hoặc các yếu tố khác về đặc điểm nhân thân như giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, dân tộc...

Lý thuyết Nhóm lợi ích phân loại nhóm theo mức lợi ích. Theo nội dung trong này, các nhóm lợi ích có thể được phân làm hai loại cơ bản là nhóm được lợi và nhóm chịu thiệt dưới góc độ “công bằng phát triển.” Khía cạnh thiệt hại và lợi ích ở đây mang ý nghĩa dài hạn, trong đó nổi bật nhất là lợi ích và thiệt hại trong việc phân phối thành quả lao động và phân phối nguồn lực phát triển, hoặc vị thế lợi ích nhóm liên quan tới sự cố môi trường. Quan hệ giữa các nhóm có thể là một trong các trường hợp: cùng có lợi, cùng chịu thiệt và một bên được lợi, một bên chịu thiệt. Trong ngắn hạn, sự phát sinh các nhóm lợi ích đối lập giữa được lợi và chịu thiệt có thể không luôn luôn tồn tại nhưng trong dài hạn lợi ích đối lập này tồn tại khá phổ biến.

*Công bằng phát triển:* Để xã hội phát triển bền vững ở mức độ tối ưu cần khuyến khích mỗi cá nhân đóng góp tối đa khả năng của họ cho xã hội bằng cách phân bổ lợi ích thỏa đáng với công lao đóng góp của họ đồng thời ngăn ngừa thích hợp để hạn chế đến mức tối thiểu khả năng gây hại cho xã hội bằng cách loại trừ các mâu thuẫn, bức xúc và biện pháp trừng phạt nghiêm minh. Phân phối thành quả lao động không công bằng nghĩa là một số người nào đó được nhiều hơn so với công lao đóng góp cho xã hội; đây là nhóm được lợi. Phần lợi ích vượt trội đó có thể xem như là phần thiệt hại của một số người khác hoặc là thiệt hại chung của tất cả những người còn lại trong xã hội. Như vậy, nhóm chịu thiệt có thể là phần còn lại của xã

hội hoặc một nhóm cụ thể nhất định. Tình trạng bất hợp lý về thu nhập cá nhân có thể làm giảm sự sáng tạo và nhiệt tình đóng góp của nhóm chịu thiệt, chưa kể đến nguy cơ xung đột, nội chiến trong một số trường hợp nhất định, đồng thời làm giảm hiệu quả xã hội đối với nhóm được lợi.

Việc phân phối phương tiện sản xuất công cộng cũng có những nét tương đồng nhưng có tác động qua lại phức tạp hơn so với thu nhập cá nhân về lợi ích và thiệt hại. Khái niệm công bằng phát triển dành nhiều quan tâm đến việc phân phối phương tiện và nguồn lực sản xuất. Vì mục tiêu phát triển, các nguồn lực phải được phân phối phù hợp với năng lực sản xuất và hiệu quả sản xuất của mỗi doanh nghiệp, mỗi khu vực địa lý-hành chính. Ưu tiên quá nhiều cho một vùng có nghĩa là cắt giảm nhu cầu của các vùng khác. Việc lãng phí nguồn lực ở một nơi đồng thời làm khan hiếm nguồn lực chung dẫn tới giảm hiệu quả tổng thể. Nơi được ưu tiên quá nhiều đến mức gây lãng phí được gọi là nhóm được lợi. Những nơi thiếu hụt nguồn lực được gọi là nhóm chịu thiệt.

Nhóm chịu thiệt ở đây không chỉ là nhóm nghèo và nhóm có địa vị thấp trong xã hội, mặc dù đây là điều thường gặp và có khi bị ngộ nhận là đối tượng duy nhất phải chịu thua thiệt. Thực ra, trường hợp những người có tài năng sáng tạo hoặc có khả năng tổ chức kinh doanh mà thiếu điều kiện để phát huy năng lực của mình cũng được coi là nhóm chịu thiệt. Nhóm được lợi có thể là bất cứ ở vị thế nào trong xã hội, nếu vì điều kiện nào đó mà được phân bổ dư thừa so với khả năng đóng góp của họ cho xã hội.

### *Nhóm lợi ích và môi trường thể chế*

Sự tồn tại của các nhóm lợi ích và động cơ tranh giành lợi ích giữa các nhóm trong xã hội là một thực tại khách quan không thể loại trừ. Tuy nhiên, bảo đảm xã hội phát triển bền vững, tránh những dao động cực đoan, cần tìm hiểu các điều kiện có thể khuyến khích ảnh hưởng tích cực và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của nhóm lợi ích. Thực tiễn cho thấy nhóm lợi ích có vai trò trung tâm trong các yếu tố cơ bản chi phối định hướng chính sách và mô hình phát triển ở mỗi quốc gia. Nhóm lợi ích vừa có thể có ảnh hưởng tích cực vừa có thể ảnh hưởng tiêu cực xét trong dài hạn. Tiêu cực diễn ra khi các nhóm lợi ích có thể tác động tới hoạt động hoạch định chính sách dẫn đến việc phân bổ bất công giữa các nhóm. Sự bất công trong phân bổ ngân sách diễn ra khi sự đóng góp cho xã hội không được đền bù thỏa đáng và nguy cơ gây thiệt hại cho xã hội không được phòng ngừa thích hợp. Sự bất công còn dẫn đến thiệt hại lớn hơn khi những tiềm năng bị kìm chế hoặc bị tước đoạt điều kiện phát triển.

Tiêu cực cũng diễn ra khi các nhóm lợi ích có thể tác động tới hoạt động chi tiêu ngân sách gây ra áp lực tăng thêm quy mô chi tiêu ngân sách vượt qua quy mô tối ưu. Điều kiện và cũng là động cơ để các nhóm lợi ích làm tăng quy mô ngân sách chính là tỷ trọng của các hàng hóa và dịch vụ công không thuần túy mà chính phủ tham gia sản xuất và cung cấp.

Hàng hóa công (HHC) không thuần túy: Trong tổng khối lượng hàng hóa, dịch vụ do chính phủ cung cấp, tỷ trọng hàng hóa công không thuần túy càng lớn thì càng làm tăng cơ hội và động lực để các nhóm lợi ích gây sức ép đối với chính phủ trong việc duy trì các hoạt động cung cấp các hàng hóa này và cũng là thách thức lớn của chính phủ trong nỗ lực kiện toàn chức năng của mình. Đây là vấn đề chức năng chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

Hàng hóa công địa phương: So sánh về động cơ của nhóm lợi ích thì HHC địa phương chứa đựng nhiều lý do kinh tế thúc đẩy các nhóm lợi ích hành động hơn HHC mang tính toàn quốc. Hành vi phổ biến này của mọi địa phương làm méo mó và phóng đại nhu cầu thực về HHC, đồng thời là áp lực chính trị-xã hội buộc chính phủ phải không ngừng tăng thêm quy

mô chi tiêu ngân sách. Nếu những loại HHC địa phương cụ thể được hoạch định và quyết định chi tiêu trong khuôn khổ ngân sách của cấp chính quyền thích hợp thì có thể hạn chế hoặc loại trừ được tình trạng méo mó thông tin và gây áp lực tăng thêm quy mô chi tiêu. Đây là một căn cứ khoa học của vấn đề phân cấp quản lý trung ương-địa phương.

**Quy trình ngân sách:** Quy trình ngân sách là một điều kiện quan trọng để các nhóm lợi ích có thể gây ảnh hưởng đến việc hoạch định và chi tiêu ngân sách. Tình trạng gây áp lực làm tăng quy mô chi ngân sách là phổ biến và nghiêm trọng đối với các quốc gia áp dụng quy trình lập kế hoạch ngân sách từ dưới lên. Trong trường hợp này, lý thuyết sự lựa chọn công cộng không phù hợp để đánh giá nhu cầu thực của xã hội. Quy mô chi lớn không phải là mong muốn của đa số nhân dân mà đó lại là hậu quả của quá trình lâu dài trong đó mỗi nhóm lợi ích đều tìm mọi cách theo đuổi lợi ích cục bộ của mình để cuối cùng dẫn tới những thiệt hại chung cho toàn xã hội.

**Chính sách phát triển vùng:** Vấn đề phát triển vùng là một ví dụ điển hình về tác động của sự câu kết giữa nhóm lợi ích - người đại diện với chính sách phân bổ nguồn lực. Đây là vấn đề nổi cộm ở cả những nước phát triển và đang phát triển. Thực tế phát triển của nhiều nước cho thấy thành công trong chính sách phát triển vùng thì ít mà thất bại thì nhiều. Vấn đề phát triển vùng là một ví dụ nổi bật về việc cơ chế chính trị gây tổn hại tới hiệu quả phân bổ nguồn lực quốc gia. Cơ chế dân chủ đại diện và mô hình cân bằng quyền lực chính phủ có ảnh hưởng quyết định đến hiệu quả chính sách phát triển vùng.

Khả năng gây ảnh hưởng, tác động của nhóm lợi ích đến hiệu quả chi tiêu ngân sách phụ thuộc vào nhiều điều kiện thể chế, trong đó nổi bật là quy trình ngân sách, mức phân cấp và tỷ trọng HHC trong rô hàng hóa do chính phủ cung cấp. Các yếu tố này khuyến khích sự câu kết giữa các nhóm lợi ích với một số quan chức chính trị hoặc công chức cao cấp trong giới lập chính sách dẫn tới những quyết định thiên vị, giúp duy trì và bảo vệ những cách làm cố hủ, lạc hậu. Các điều kiện ấy là lý do cơ bản cho phép một số cá nhân, nhóm, giới trục lợi; và đó cũng là lý do mà việc cải tổ, cải cách bị kìm chế, cản trở. Để tránh những trở ngại như vậy, một số cuộc cải cách thành công đã bắt đầu thay đổi từ tận gốc, mà mục tiêu là loại trừ động cơ lợi ích nhóm và các điều kiện dung dưỡng các đặc quyền, đặc lợi.

### **3. Nhóm lợi ích và định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam**

**Thực trạng:** Công cuộc cải cách của đất nước ta đã được tiến hành trong hơn 20 năm; đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong việc nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân. Kết quả về đổi mới và phát triển của Việt Nam cũng được ghi nhận là một trong những nước thành công nhất thế giới giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, động lực của những thành công bước đầu này có thể không còn là động lực chính để Việt Nam tiếp tục phát triển nhanh và bền vững trong tương lai. Nhiều tiềm lực phát triển căn bản chưa có cơ chế để phát huy, đồng thời nhiều lúng túng, hạn chế lớn chưa được loại bỏ.

Trong vài năm gần đây, tổng chi ngân sách không giảm mà có xu hướng tăng nhẹ. Phần chi đầu tư tăng mạnh và đã có biểu hiện tiêu cực của quy luật hiệu suất giảm dần thông qua chỉ số ICOR tăng cao một cách đáng lo ngại. Nhà nước còn làm nhiều việc thay thị trường, chen lấn và choán chỗ khu vực tư nhân. Đặc biệt là nhà nước còn bao thầu quá lớn trong dịch vụ công, chưa làm rõ khuôn khổ chức năng quản lý nhà nước và chưa mạnh dạn tách biệt giữa việc quản lý nhà nước chuyên ngành và việc tổ chức thực hiện cung cấp các hàng hóa và dịch vụ công cho xã hội.

Quy trình ngân sách lạc hậu, ngân sách phải chịu áp lực tăng chi lớn từ các đơn vị ngân sách cơ sở và việc tăng lương cho công chức trong khi việc cắt giảm biên chế không khả quan.

Việc lập ngân sách hàng năm thiếu dự kiện tin cậy về dự báo trung hạn tạo nên nhiều rủi ro tiềm tàng cho kế hoạch ngân sách. Nhiều nguồn thu, trong đó có nguồn thu từ xuất khẩu, từ doanh nghiệp nhà nước (DNNN) chứa đựng nhiều nguy cơ đột biến ngoài tầm kiểm soát.

Thiếu điều kiện quản lý ngân sách một cách tổng thể và minh bạch. Bên cạnh những khoản chi tiêu được công khai hóa, nhiều chương trình chi ngân sách chưa được thống kê, kiểm soát thích đáng, trong đó có các quỹ hỗ trợ, đặc biệt là Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia. Việc tách rời trách nhiệm tham mưu và xây dựng kế hoạch phân bổ giữa chi đầu tư và chi thường xuyên vào hai đầu mối khác nhau (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính) làm nảy sinh những bất cập trong việc phối hợp và suy giảm hiệu quả chi tiêu nói chung.

Việc phân cấp tài chính công giữa các cấp chính quyền chậm và chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn đổi mới gây tâm lý ỷ lại cấp trên, cản trở tính sáng tạo và tự chủ của các cấp, ngành địa phương. Việc phân cấp không thỏa đáng là một yếu tố giúp duy trì cơ chế “xin-cho,” dẫn đến áp lực tăng chi ngân sách, và cũng là một cơ sở dẫn đến tình trạng tham nhũng.

Tài chính DNNN có nhiều nguy cơ gây ảnh hưởng đến ngân sách tâm trung và dài hạn. Tình trạng nợ xấu cùng với báo cáo tài chính thiếu trung thực có khả năng gây nguy hại tới sự lành mạnh của hệ thống ngân hàng. Nhiều nguồn tài sản công có giá trị lớn như đất đai, rừng biển, khoáng sản, trụ sở, phương tiện chưa có cơ chế quản lý thích đáng. Quyền định đoạt nhiều thứ tài sản công có giá trị được giao cho một số cấp hành chính dẫn đến nhiều nguy cơ thiệt hại tài sản công, tiêu cực, tham nhũng. Quốc hội được giao quyết định ngân sách nhưng thiếu các điều kiện cần thiết khác về vật chất và pháp lý để có được quy trình ngân sách thực sự đổi mới.

### ***Một số đề xuất ngụ ý chính sách định hướng theo công bằng phát triển tại Việt Nam***

Mô hình phát triển bền vững của Việt Nam trong tương lai cần đặt vấn đề bền vững trên ba lĩnh vực chính: (i) Bền vững về phát triển vĩ mô, trong đó đặc biệt quan trọng về cân đối giữa khu vực “kinh tế thật” và “kinh tế ảo” để hạn chế tổn thất do phát triển “bong bóng” gây nên. (ii) Bền vững về xã hội, trong đó quan trọng nhất là việc điều chỉnh định hướng thu nhập giữa các nhóm xã hội theo “công bằng phát triển” để một mặt hạn chế làm giàu phi pháp và mặt khác khuyến khích nhóm nghèo phát huy hết tiềm năng của mình; (iii) Bền vững về môi trường, trong đó cần đẩy mạnh việc kiểm soát tình trạng lạm dụng ngoại ứng tiêu cực để trực lợi và gây tổn hại cho nhân dân. Đây không chỉ là vấn đề nằm trong phạm vi quốc gia mà còn là vấn đề quốc tế.

Ba lĩnh vực nêu trên có mối quan hệ đan xen và có ảnh hưởng phức tạp đến nhiều vấn đề khác nhau. Với thực trạng của nền kinh tế-xã hội hiện nay và định hướng chính trị của Đảng ta trong việc cải cách, đổi mới, Việt Nam có thể mạnh dạn thực hiện những bước cải cách mạnh mẽ để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong từng bước phát triển, chủ động và vững vàng trên con đường hội nhập mà một vấn đề cốt yếu là cải cách thể chế:

a) Cần sớm nghiên cứu áp dụng quy trình ngân sách trung hạn một cách hiệu quả, phù hợp với đặc điểm tình hình của Việt Nam. Quy trình ngân sách trung hạn phải dựa trên những dự báo đáng tin cậy về trung hạn, phòng ngừa thỏa đáng những rủi ro tiềm tàng cho ngân sách quốc gia. Đảm bảo thứ tự ưu tiên của việc chi tiêu được chọn lọc một cách khoa học theo tiêu chí hiệu quả tối ưu dài hạn, trong đó đặc biệt chú trọng thứ tự ưu tiên của các chương trình đầu tư và chương trình chính sách quốc gia. Sắp xếp lại cơ cấu và chức năng các tổ chức liên quan cho phù hợp và đáp ứng được yêu cầu thực hiện quy trình ngân sách trung hạn.

b) Đánh giá lại chức năng của chính phủ trong việc cung cấp các hàng hóa và dịch vụ công trong quá trình thực hiện phân cấp của việc cải cách hành chính và kiện toàn hệ thống chính trị. Kiên quyết cắt giảm những chức năng và nhiệm vụ mà nhà nước làm thiếu hiệu quả so với khu vực tư nhân, đặc biệt là những hàng hóa và dịch vụ công không thuần túy. Kiện toàn việc phân cấp chi tiêu cho các cấp chính quyền địa phương trên cơ sở đánh giá lại trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền đối với các loại HHC địa phương tương ứng và lợi thế về thông tin của mỗi cấp đối với nhu cầu HHC của nhân dân trong khu vực.

c) Cải cách và đổi mới mạnh mẽ phương thức cung cấp các hàng hóa và dịch vụ công cho nhân dân. Tách việc quản lý nhà nước ra khỏi nhiệm vụ sản xuất và cung cấp các hàng hóa, dịch vụ công; đưa cơ chế cạnh tranh vào các tổ chức cung cấp hàng hóa và dịch vụ công nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, linh hoạt và hiệu quả hoạt động của các tổ chức này. Sớm ban hành luật về các loại hình tổ chức phi lợi nhuận nhằm khuyến khích các phương thức cung cấp hàng hóa, dịch vụ công mới với hiệu quả cao hơn.

d) Tăng cường tính minh bạch của các hoạt động chi tiêu công cộng, nhất là chương trình chi tiêu của các quỹ hỗ trợ, chi tiêu của các cấp chính quyền địa phương; công khai và minh bạch hóa lĩnh vực tài chính của các DNNN đi đôi với việc loại trừ dần chênh lệch ưu đãi giữa các loại hình doanh nghiệp. Tăng cường sự minh bạch và lành mạnh hóa hoạt động của các quỹ ngoài ngân sách, cũng như đối với hoạt động của các ngân hàng có liên quan tới việc cho vay theo chương trình mục tiêu.

e) Tăng cường pháp chế và chất lượng của các công cụ quản lý tài chính, trong đó có vấn đề chất lượng và tính minh bạch của hệ thống kế toán, tính nghiêm minh của hệ thống thuế và các lực lượng thi hành luật khác.

f) Cải cách cơ chế bầu cử, tăng cường sự minh bạch về trách nhiệm của các đại biểu dân cử với các vấn đề quốc gia; khuyến khích trách nhiệm bảo vệ các nhóm chịu thiệt đồng thời hạn chế và đề phòng sự câu kết tiêu cực, vụ lợi giữa nhóm lợi ích và người đại diện.

## Kết luận

Định hướng chiến lược và lý luận mới là những vấn đề hết sức to lớn, có vai trò quyết định đến vận mệnh quốc gia. Trong khuôn khổ nhỏ hẹp của bài tham luận này, tác giả chỉ xin đề cập một cách hết sức sơ lược vì một số nội dung trên đây là lý thuyết và chưa có nhiều nghiên cứu, bằng chứng thực tiễn. Tuy nhiên, có thể nêu một số vấn đề để có thể tiếp tục mở rộng nghiên cứu như sau:

Nhóm lợi ích là một trong các động lực cơ bản thúc đẩy phát triển xã hội. Ảnh hưởng của nhóm lợi ích có thể là tích cực hoặc tiêu cực. Mức độ và khả năng ảnh hưởng của nhóm tới định hướng phát triển của quốc gia phụ thuộc vào chất lượng thể chế của mỗi quốc gia. Ý chí của nhóm lợi ích, thậm chí có thời điểm là ý chí của số đông cũng có thể gây tổn hại tới sự phát triển bền vững của xã hội.

Để loại trừ những ảnh hưởng tiêu cực và khuyến khích ảnh hưởng tích cực của nhóm lợi ích, cần định hướng xây dựng thể chế lành mạnh, hiện đại có khả năng khuyến khích tối đa sự đóng góp cho xã hội và ngăn ngừa đến mức tối thiểu khả năng gây hại cho xã hội đối với mọi cá nhân.